

## QUÂN ĐỘI XỨ ĐÀNG TRONG: TƯỢNG BINH

Lê Nguyễn Lưu\*

Trong *Nam triều công nghiệp diễn chí*, Nguyễn Khoa Chiêm tường thuật một trận quân Nguyễn sử dụng voi để uy hiếp tinh thần của lính Đàng Ngoài khá thú vị trong lần cuối cùng quân Trịnh đánh Đàng Trong năm 1672 như sau: Hiệp Đức hầu Nguyễn Phúc Hiệp “*sai Cai đội Thắng Lâm điều khiển đoàn voi trận hơn sáu mươi con, sửa sang khí giới uy nghiêm tề chỉnh, dàn hàng ở phía trong Lũy Cát, mở cửa Đông Bắc cho voi đi từ từ ra bãi cát Trường Sa, rồi vòng lại đi vào lũy ở cửa Tây Nam. Cứ cho voi vòng đi vòng lại như thế từ giờ Thìn đến giờ Ngọ, tưởng như voi đi không bao giờ hết. Lại truyền cho đội thủy quân sai lấy bốn chiếc thuyền nhỏ, buổi sáng chèo ra ngoài khơi cửa Ròn, buổi chiều quay lại cửa Nhật Lệ để thám thính tình hình quân giặc, làm như kẻ hư hư thực thực*”. Quân Bắc ở bên kia sông nhìn qua, chỉ thấy một phía voi đi ra mà không thấy phía voi đi vào, sợ hãi bảo nhau: “*Nam trấn nhiều voi thật, phải đến năm sáu nghìn con chứ không ít, quân Nam hùng cường như thế, ai dám ra mà đương đầu. Hơn nữa, tướng bên Nam cao mưu diệu kế, nếu họ cho voi tràn sang bên ta, đàn voi ấy ầm ầm xông tới xéo nát tất cả thì quân ta ắt chết mất xác cả*”. Tướng Trịnh là Hào Man hầu Lê Thị Hiến bán tín bán nghi, bèn chọn người giỏi ăn nói đến đồn lũy hỏi quân Nam đang tính làm gì. Quân Nam trả lời: “*Đó là chưa đầy một phần số voi theo hộ giá nguyên súy tướng công. Đầu tháng này vì trời mưa, đường sá lầy lội, nay trời nắng ráo cho voi đi dạo phơi nắng để tăng phần hùng tráng chứ có ý gì đâu. Còn như thuyền con ra vào ngoài khơi thì đó là nghề nghiệp làm ăn thả lưới câu cá của bọn ngư dân chứ có gì khác. Các người muốn đánh thì cứ dẫn quân đến đây, đừng gặng hỏi vu vơ*”<sup>(1)</sup>

Quả thực, xứ Đàng Trong có một lực lượng tượng binh trội hơn so với xứ Đàng Ngoài. Theo C. Borri, “*Trong vùng núi xứ Đàng Trong có rất nhiều voi, mà người Đàng Trong không sử dụng, vì họ không biết bắt chúng, cũng như không biết nuôi và luyện chúng. Người ta đưa chúng, đã được huấn luyện, từ Cao Miên, một vương quốc láng giềng về. Những con voi này lớn gấp đôi voi Ấn Độ, dấu chân chúng có đường kính không dưới 2 palmes\*\* chiều dài đối với con đực, ở các con cái thì ngắn hơn nhiều. Người ta có thể kiểm tra dễ dàng về hình dáng con voi xứ Đàng Trong lớn hơn như thế nào so với các con [voi] người ta đem sang*

\* Thành phố Huế.

\*\* Palme: Đơn vị đo chiều dài của người La Mã xưa, bằng một gang tay. BT.

châu Âu để trình bày mà các ngà của chúng không dài quá 3 palmes”.<sup>(2)</sup> Người ta dùng voi để vận tải, “Voi thường chở 13 đến 14 người, họ xếp chỗ theo cách này: giống như người ta đặt yên ngựa, họ đặt trên lưng voi một thứ như thùng xe, trong đó có 4 xe ngồi, người ta cột xích dưới bụng voi như đai yên ngựa. Chỗ ngồi có 2 lối vào ở các phía, nơi đó 6 người ngồi, mỗi bên 3; một lối vào đằng sau, ở đây 2 người ngồi; và thêm một người nài, giống như người lái xe ngựa, ngồi trên đầu voi, chính anh ta điều khiển và dẫn dắt voi”.<sup>(3)</sup> Đặc biệt là voi dùng trong quân đội: “Trong trường hợp chiến tranh và trận mạc, người ta lấy đi mái của chỗ ngồi, tại đây những người lính chiến đấu như từ tháp canh với súng hỏa mai, tên và đôi khi với cả đại pháo, vì voi không thiếu sức để mang nó. Thật thế, voi rất mạnh, so với các con thú khác, và tôi đã từng thấy một con voi mang bằng voi mình những trọng lượng lớn, một con khác nâng cao một cỗ trọng pháo và một con khác một mình nó đã hạ thủy 10 chiếc thuyền nhỏ, nó mang bằng ngà rất khéo léo và đưa xuống biển”.<sup>(4)</sup>

C. Borri nói người Đàng Trong “không biết bắt chúng, cũng như không biết nuôi và luyện chúng”, nhưng đó là ở thời điểm ông đến Đàng Trong thuở ban đầu của chính quyền họ Nguyễn, cư dân, nhất là lính tráng chưa quen “thủy thổ”, chứ về sau dần dần đã có những người chuyên nghiệp bắt, nuôi và dạy voi. Phần nhiều họ làm nghề này cha truyền con nối, và rất được chính quyền trọng dụng, đưa vào diện “không thể thay thế”, để lập nên các đạo tượng binh; riêng ở Chính Dinh có cơ Trung Tượng, chia làm 64 đội, mỗi đội từ 6 đến 10 người, cộng 584 người, kèm theo là 4 tượng lương y (tức 4 thầy thuốc để chữa bệnh cho voi).<sup>(5)</sup>

Theo nghiên cứu của bà Li Tana, trong lúc xứ Đàng Ngoài phải mua voi từ Lào, và lực lượng quân đội có khoảng 100 con, thì “Ngược lại, Đàng Trong được lợi thế lớn là có thể kiếm được nhiều voi ngay tại chỗ. Trừ vùng Quảng Nam ra thì hầu như vùng nào cũng có voi. Nguồn voi dồi dào này có thể khiến chúng ta tin được một bài báo cáo của Hà Lan nói là vua Đàng Trong vào năm 1642 có đến 600 con voi”.<sup>(6)</sup> Thật là lợi hại! Không lạ gì quân đội Đàng Trong đã sáu lần đẩy lùi sự xâm lấn của họ Trịnh. Năm 1694, chúa Nguyễn Phúc Chu “chiêu đãi” nhà sư Thích Đại Sán một cuộc thao diễn trận voi, nhà sư kể lại trong cuốn *Hải ngoại kỷ sự*: “Thuyền chèo quanh co chừng 10 dặm, nghe trong khói mù có tiếng ồn ào, nội giám báo rằng: “Đã đến nơi”. Nhìn lên thấy người đi xem, đàn ông đàn bà đứng bao quanh bốn năm dặm. Quân hầu nạt người tránh, dẫn đường đi trước. Vương lên đài ở trung ương, xướng vương tượng gần một bên, chứa toàn những voi cao lớn. Tả hữu la liệt những đồn lính và xướng tượng, cỏ rơm và mía để chắt đầy đống. Lúc dàn trận, voi sắp từng hàng 10 con, đứng ở phía tây, mỗi con trên lưng đặt một cỗ yên bằng gỗ sơn đỏ, hình như cái hộc. Trong hộc, có 3 người đứng, đầu đội hồng kim khôi, mình mặc áo nhung lục, tay cầm kim câu

trường thương, một tên nài cầm câu liêm ngồi trên vai voi. Phía đông, 500 quân cầm đao thương và đuốc châm lửa, xây mặt về phía voi đứng. Đằng sau đài đặt những bù nhìn bên rom như hình quân lính. Cờ lệnh trên đài phát lên. Ba quân múa đao thương, nhằm hàng voi xông tới. Hỏa khí đốt lên, khói bay mù mịt, voi vẫn đứng yên. Bỗng chốc, trống đồng đánh liên hồi, các quân phả đồng xông vào voi, bọn nài bố câu liêm vào đầu, võ sĩ đâm vào đuôi. Bầy voi chạy thẳng đến rượt đuổi. Quân lính lui tránh; mỗi con voi lấy vòi quấn một bù nhìn bằng rom đem về. Thót voi nào chạy hơi chậm, liền bị thương đâm búa bổ, chảy máu đứt da, đến đôi có con quá mệt, phục quy không thể dậy nổi. Tan trận, lấy đó phân hơn thua”.<sup>(7)</sup> Nhà sư còn làm bài *Thao tượng hành* (Bài ca diễn tập trận voi), xin trích đoạn đầu bản dịch như sau:

Quốc vương thành tâm việc cung dưỡng  
 Rước ta đi thuyền xem tập tượng  
 Ban mai sương khói đương mịt mờ  
 Gió thổi mặt sông nước nhấp nhàoáng  
 Mười dặm đã đến Diên Võ Trường  
 Bốn bên người đứng như vây tường  
 Vương ngồi cao đài mặc long cổn  
 Cầm bào thị vệ cầm đao thương  
 Voi Việt Nam như ngựa Ký Bắc  
 Từng bày đồng cao ăn rải rác  
 Người đem voi cái đi dụ về  
 Buộc chân gốc cây giam đói khát  
 Dụ về nuôi dưỡng mấy lâu nay  
 Nước nhà nuôi tượng hậu hơn người  
 Lúa đậu lương ăn ngày một học  
 Quân sĩ cắt cỏ lo hằng ngày  
 Nửa tháng trước ngày ra điểm thí  
 Voi đực voi cái chia từng đoàn  
 Mỗi đoàn năm mươi lính tập luyện  
 Lúc tiến lúc thoái nghe lệnh tràn  
 Tháng Tư ngày dài, buổi ban mai  
 Nón hồng mũi bạc tuốt sáng ngời  
 Đứng trên lưng voi ba võ sĩ  
 Tay cầm xà mâu dáng hùng oai  
 Phía đông (?) mười voi làm một đội

*Phía tây (?) quân sĩ năm trăm người<sup>(\*)</sup>*  
*Cờ trắng phát lên quân sĩ tiến*  
*Hò reo đốt lửa khói mù trời*  
*Cờ trắng hạ xuống phát cờ xanh*  
*Nài cứ đầu voi bủa chạn chát*  
*Voi quật bù nhìn cuốn đem về*  
*Mau thì có thưởng chậm bị phạt*  
*Bổng chốc tập xong định hơn thua*  
*Xiết bao máu chảy, thịt da nát*  
*Xiết bao khó nhọc quy sa trường*  
*Lính bị roi đòn quan bị cách...*

Sau cuộc tập trận voi, chúa kể với sư: “*Bản quốc có những tên ngu và voi đi từng bầy trong núi. Muốn bắt voi sống, người ta đem hai con voi cái thuần đi dụ, voi cái kèm voi rùng cho người ta lấy dây lớn cột chân vào gốc cây, giam cho đói khát ít ngày, rồi người nài lần đến gần, cho ăn uống. Lâu dần quen, hai voi cái bèn kèm voi mới về giao cho một viên quản tượng. Thường thường có 50 lính coi việc diễn tập. Mấy năm gần đây, những trận đánh với Đông Kinh (Hà Nội), Chiêm Thành, quân ta thắng trận phần lớn nhờ sức voi vậy*”.<sup>(8)</sup> Những lời này chứng tỏ sau thời gian đầu xa lạ, người xứ Đàng Trong đã học tập được phép bắt voi, nuôi voi và điều khiển voi. Chúng tôi xin dẫn chuyện “Một con người - ba triều đại” để thấy rõ tầm quan trọng của lính tượng binh.

Mới đây, chúng tôi phát hiện được tại nhà thờ họ Hoàng, làng Nguyệt Biều một bản sắc phong đề niên hiệu Cảnh Hưng thứ 45 (1784), loại giấy bồi dày (kích cỡ chưa đo đạc được), nền màu vàng nhạt, hoa văn những vòng tròn lớn và nhỏ, vẽ rồng lượn trong mây (long ẩn vân). Văn viết 7 dòng, chữ lối khải thư, chân phương, ngay thẳng nhưng bay bướm, các nét hất lên bên trái thường uốn mềm, rất khác chữ Đàng Trong. Nội dung phong chức Bá hộ cho Hoàng Trọng Thảo, người làng Nguyệt Biều, huyện Hương Trà (nay là phường Thủy Biều, thành phố Huế). Ở dòng niên đại đóng dấu ấn vuông cỡ 11,0 x 11,0cm, đường gờ viền dày 01,0cm, mép trên đề lên giữa chữ “興 *Hưng*” niên hiệu; mặt ấn khắc bốn chữ triện 救命之寶 *Sắc mệnh chi bảo*, đường nét đều đặn, dày khoảng 00,4cm. Chúng tôi xin dẫn dịch (có một chữ chưa đọc được vì nhìn qua ảnh chụp mờ quá):

敕香茶縣月瓢社隊長黃仲討為順廣道右中象隊土兵守禦封疆壬寅年奉嗣王  
初政準及諸軍翊戴功一體霽覃許○百戶職可為奮力將軍號令司壯士百戶下秩故敕

景興四十五年七月二十七日

\* Vị trí đội hình của voi và quân sĩ (đông - tây) ngược với phần mô tả của chính Thích Đại Sán đã dẫn ở trên. Chưa rõ do đâu! BT.

**Phiên âm:**

*Sắc: Hương Trà huyện, Nguyệt Biều xã Đội trưởng Hoàng Trọng Thảo vì Thuận Quảng đạo Hữu Trung Tượng đội thổ binh, thủ ngự phong cương, Nhâm Dần niên phụng Tự vương sơ chính, chuẩn cấp chư quân dực đãi công nhất thể triêm đàm, hứa ... Bách hộ chức, khả vi phân lực tướng quân hiệu lệnh. Ty (tư) Tráng sĩ bách hộ hạ trật. Cổ sắc.*

*Cảnh Hưng tứ thập ngũ niên thất nguyệt nhị thập thất nhật.*

**Dịch nghĩa:**

Ban sắc cho: Đội trưởng Hoàng Trọng Thảo người xã Nguyệt Biều, huyện Hương Trà, là linh địa phương của đội Hữu Trung Tượng trong đạo Thuận Quảng, đóng giữ biên giới, năm Nhâm Dần, Tự vương buổi đầu coi việc chính sự, chuẩn cho các quân có công phò tá được nhuan gọi ơn trên, một thể ban chức Bách hộ (hay Bá hộ). Hãy hết sức cố gắng theo hiệu lệnh của tướng quân. Ngạch trật dưới Tráng sĩ bách hộ.

Ngày 27 tháng Bảy năm Cảnh Hưng thứ 45 (11/9/1784)

Tờ sắc được ban trong thời gian quân Trịnh chiếm đóng Phú Xuân. Hai chữ 嗣王 *Tự vương* chỉ chúa Trịnh mới nối ngôi, không phải vua Lê (vua Lê là hoàng đế, 嗣皇 *Tự hoàng*). Trịnh Sâm lên ngôi tháng Giêng năm Đinh Hợi (khoảng tháng 2 năm 1767), mất ngày 13 tháng Chín năm Nhâm Dần (19/10/1782). Trịnh Cán nối ngôi, tức Điện Đô Vương, hơn một tháng thì bị quân Tam phủ phế mà lập Trịnh Khải ngày 24 tháng Mười năm Nhâm Dần (28/11/1782), tức Đoan Nam Vương. Như vậy, Hoàng Trọng Thảo có thể là linh tượng quân cũ của chúa Nguyễn, tiếp tục phục vụ quân Trịnh với chức Đội trưởng.<sup>(9)</sup> Chắc ông từng ra Thăng Long và có tham gia vào cuộc đảo chánh năm 1782, phế Trịnh Cán, lập Trịnh Khải.<sup>(10)</sup> Sau khi Nguyễn Huệ chiếm Phú Xuân, ông Hoàng Trọng Thảo chắc cũng về với Tây Sơn từ năm 1786, nhưng không có tờ sắc nào, có lẽ vì bị thất lạc, nhưng tại nhà thờ họ Hoàng làng Nguyệt Biều, chúng tôi lại phát hiện thêm một tờ *phó* đề năm Bảo Hưng thứ nhất (nguyên niên), khổ giấy chưa đo được, xếp lại thành hai mặt, mặt trước ghi nội dung, gồm 7 dòng, chữ viết lối khải hơi thảo, cũng không giống lối viết Đàng Trong, nội dung: “Thống soái Thiếu phó công” [Trần Quang Diệu] vâng mệnh vua chuẩn cho ông Hoàng Trọng Thảo làm chức Đô ty tước Diêm Đức hầu. Chúng tôi xin dẫn dịch như sau (có ba chữ chưa đọc được vì ảnh chụp trông không rõ):

統帥少傅公

計欽付肇豐府香茶縣月瓢社護軍使艷黃仲討係○象政道右象奇歷經戰陣今著勤勞等司應○準為都司艷德侯率本分員軍隸隨統屯官差撥攻這



遵恪師律茂建戎功待後○成龍敕以正名分以表勤勞若厥職弗勤有軍憲在茲欽付

寶興元年九月初六日

**Phiên âm:**

*Thống soái Thiều phó công*

*Kê: Khâm phó Triệu Phong phủ, Hương Trà huyện, Nguyệt Biều xã Hộ quân sứ Diễm Hoàng Trọng Thảo hệ ... Tượng Chính đạo Hữu Tượng cơ lịch kinh chiến trận, kim trừ cần lao đẳng ty (tư) ưng ... chuẩn vi Đô ty Diễm Đức hầu, suất bản phận viên quân lệ tùy thống đồn quan sai bát công giá ... tuân khác sự luật, mậu kiến hung công, đãi hậu ... thành long sắc dĩ chính danh phận, dĩ biểu cần lao. Nhược khuyết chức phát cần, hữu quân hiển tại. Tư khâm phó.*

*Bảo Hưng nguyên niên cửu nguyệt sơ lục nhật.*

**Dịch nghĩa:**

Thống soái Thiều phó công

Kê: Kính vâng (mệnh vua) trao cho: Hộ quân sứ Diễm Hoàng Trọng Thảo người xã Nguyệt Biều, huyện Hương Trà, phủ Triệu Phong, làm việc ở cơ Hữu Tượng thuộc đạo Tượng Chính, đã trải nhiều chiến trận, nay tỏ ra siêng năng chịu khó..., chuẩn cho làm chức Đô ty, tước Diễm Đức hầu, dẫn dắt lính của mình theo quan thống đồn sai phái đánh giặc... Hãy tuân theo phép quân, lập nhiều công trận, đợi sau khi xong việc, sẽ tâu vua ban sắc để danh phận được chính đáng, để nêu cao sự siêng năng khó nhọc. Nếu sơ sót nhiệm vụ, không siêng năng thì đã có phép quân xử trí. Nay vâng mệnh vua trao cho.

Ngày mùng 6 tháng Chín năm Bảo Hưng thứ nhất (13/10/1801)

Ta biết tháng Năm năm Tân Dậu (1801), Nguyễn Phúc Ánh ra đánh Phú Xuân. Đồn Tư Dung thất thủ, ngày mùng 3 tháng Năm năm Tân Dậu (13/6/1801), Nguyễn Quang Toàn cùng các quan mang theo của cải chạy ra Bắc, vất bỏ cả sắc ấn do nhà Thanh ban cho. Trong lúc đó, hai tướng Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng bấy giờ đã chiếm được thành Bình Định, nhưng nghe tin Phú Xuân thất thủ, đang tính rút quân theo đường núi tiến ra Bắc để hợp lực cùng vua Cảnh Thịnh. Vào tháng Chín năm Tân Dậu, Trần Quang Diệu và Từ Văn Chiêu đem 18.000 quân tinh nhuệ đối lũy với Lê Văn Duyệt và Lê Chất, rồi ngầm sai 2.000 quân vượt thượng đạo để đánh úp sau lưng địch. Nhưng Nguyễn Phúc Ánh đã biết, gấp tin cho Duyệt và Chất đề phòng. Có thể trong tình hình khó khăn này, cần phải động viên tướng sĩ ra sức, nên Trần Quang Diệu<sup>(11)</sup> đã tự “vâng mệnh vua” để gia phong chức tước cho họ. Ông chính là “統帥少傅公 *Thống soái Thiều phó công*” đóng dấu trên tờ

phó. Dấu hình vuông, kích cỡ 10,5 x 10,5cm, đường gờ viền dày 01,0cm, mép trên đề lên giữa chữ “年 niên”, mặt khắc bốn chữ triện “少傅之印 *Thiếu phó chi ấn*”, nét dài, không mảnh lắm, uốn tròn mềm mại nhiều tầng, bố trí hai dòng, dòng hai chữ, đây là lối chữ triện đặc hữu của thời Tây Sơn.

Cuối năm ấy, Nguyễn Quang Toàn đem quân vào quyết khôi phục cơ đồ, nhưng bị đánh tan tại lũy Trấn Ninh và lũy Đầu Mâu, lại rút ra Thăng Long. Nguyễn Vương đánh Thăng Long, ngày 16 tháng Sáu (17/7/1802), Nguyễn Quang Toàn bỏ Thăng Long chạy ra vùng Hải Dương, bị dân bắt đóng cũi nạp cho quân Nguyễn, còn Quang Thùy thì tự sát. Nhà Tây Sơn chấm dứt! Trong quá trình chinh chiến giữa hai bên, tướng sĩ Tây Sơn bỏ trốn vào dân gian và ra đầu hàng họ Nguyễn không ít. Sách *Đại Nam thực lục* cũng chép nhiều thời điểm, tướng sĩ Tây Sơn ra hàng, Nguyễn Vương sẵn sàng cấp cho lương thực ăn đường để họ trở về quê quán, hoặc nếu ai tình nguyện “đái tội lập công”, thì cho biên chế vào đội ngũ, cấp chỉ huy thì vẫn được giữ nguyên chức tước, sai phái cầm quân đi đánh “giặc”, và tất nhiên họ đem hết sức để lập công chuộc tội. Không rõ ông Hoàng Trọng Thảo về hàng trong thời điểm nào, nhưng gia tộc hiện còn giữ một văn bản đề 嘉隆元年十一月二十肆日申 *Gia Long nguyên niên thập nhất nguyệt nhị thập tứ nhật thân* (trình ngày 24 tháng Mười Một năm Gia Long thứ nhất, dương lịch: 30/12/1802) dành cho ông, không rõ nội dung vì mất phần chính; phía dưới sau dòng niên đại ghi “正長支艷黃仲討記 *Chánh trưởng chi Diễm Hoàng Trọng Thảo ký*”, đóng bên trái hình dấu bát giác hai cạnh bên khuyết, khắc ba chữ triện một dòng: “黃宗記 *Hoàng tông ký*”. Bên phải dòng niên đại, quan phê mấy chữ và đóng dấu ấn ngay dưới, hình vuông cỡ 07,0 x 07,0cm, đường gờ viền 0,5cm, mặt khắc sáu chữ triện 後軍副將之章 *Hậu quân Phó tướng chi chương*, nét hơi mập, dày chừng 0,1cm, chia ba dòng, dòng hai chữ. Bấy giờ, tướng chỉ huy Hậu quân là Lê Chất, còn Phó tướng đây là Nguyễn Văn Biện.

Như vậy, ông Hoàng Trọng Thảo đã phục vụ lần lượt ba triều đại: Lê - Trịnh, Tây Sơn, Nguyễn. Có thể ngay trong thời chúa Nguyễn, ông cũng đã là một người lính trẻ thuộc tượng binh, trải qua lâu năm tay nghề càng cao, nên triều đại nào cũng sử dụng, họ Trịnh cho làm Đội trưởng, rồi cất nhắc lên chức Bách hộ (cũng gọi là Bá hộ, hàng chánh lục phẩm bên võ theo quan chế Hồng Đức; tổ chức quân sự thì mỗi quân chia làm nhiều vệ, mỗi vệ chia làm 5 sở thiên hộ, mỗi sở thiên hộ chia làm 10 sở bách hộ, mỗi sở bách hộ có 10 thập, mỗi thập có 2 ngũ, mỗi ngũ có 5 lính). Có thể ông đã đóng quân tại kinh thành Thăng Long, cho nên tham gia vụ lật đổ Trịnh Cán, tôn phù Trịnh Khải năm 1782, nên được gia phong. Khi Nguyễn Huệ ra Bắc lật đổ Trịnh Khải, ông hưởng ứng theo, sau đó trở về quê hương, được làm Hộ quân sứ, đến năm 1801, Trần Quang Diệu tạm quyền thăng cho ông chức Đô ty, tước Diễm Đức hầu ngay tại mặt trận Bình Định.<sup>(12)</sup> Sau đó, có thể ông ra

đầu hàng quân Nguyễn tại Thanh Hóa, nơi Trần Quang Diệu bị bắt, và tự nguyện phục vụ triều đại mới, làm Chánh trưởng chi ở Hậu quân do Lê Chất thống soái, cũng là một chức khá “to” bên hàng võ.<sup>(13)</sup> Trong lúc các loại lính khác phải tuyển mộ và điền thế, thì tượng quân được hưởng quyền “thế tập”, cha truyền con nối (con thường theo cha đi bắt voi, nuôi voi, nên có nhiều kinh nghiệm), vì đào tạo rất khó. Bấy giờ, ngoại trừ cuộc chiến chống giặc Thanh xâm lược của vua Quang Trung, các thế lực đều tương tranh vì lợi ích của phe phái, chẳng ai có danh nghĩa vì nước vì dân, không khác gì tình hình “tam phân đỉnh lập” cuối thời Hán ở Trung Quốc, mỗi một người cứ “chọn chúa mà thờ”, thờ chúa này không được, bỏ đi thờ chúa khác trong cái vòng luẩn quẩn của chế độ quân chủ phong kiến... Hoàng Trọng Thảo là một trong số đó...

Sau thời gian chiến tranh với họ Trịnh, voi nhàn hạ hơn, ngoài các cuộc diễn tập, chẳng phải xông pha tên đạn, các chúa Nguyễn bày trò đấu voi cộp, đấu trường tổ chức trên cồn phía thượng lưu Sông Hương, nay gọi là cồn Dã Viên. Phan Thuận An cho biết “*một chứng nhân người Pháp bấy giờ thuật lại rằng vào năm 1750, chúa và các quan trong triều đi trên 12 chiếc thuyền đến đậu gần cồn để xem voi và cộp độ sức nhau cho đến khi 40 con voi giết chết hết 18 con cộp mới thôi. Cộp đã được xem là những ác thú của rừng xanh, sánh với những người chống lại triều đình*”.<sup>(14)</sup> Đấu thời Nguyễn, trò chơi hùng tráng này vẫn được tiếp tục, nhưng diễn ra trên bờ nam Sông Hương, thuộc địa phận làng Dương Xuân. Người ta kể rằng một lần đấu, con cộp giật đứt dây trói, nhảy xuống sông tránh voi, bơi về phía long thuyền, vua Minh Mạng phải dùng cái sào dài để đẩy ra, rồi lính hộ vệ nhảy xuống thuyền con xông tới giết chết. Từ đó, vua Minh Mạng mới cho lập đấu trường riêng, gọi là 虎圈 Hồ Quyền (chữ Quyền đọc đúng là Khuyên).<sup>(15)</sup>

## L N L

### CHÚ THÍCH

- (1) Nguyễn Khoa Chiêm (2003), *Nam triều công nghiệp diễn chí*, bản dịch: Ngô Đức Thọ & Nguyễn Thúy Nga, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr. 565-566.
- (2) C. Borri (2003), “Bản tường trình về xứ Đàng Trong”, tạp chí *Những người bạn cổ đô Huế (BAVH)*, tập XVIII, năm 1931, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 371.
- (3) C. Borri (2003), “Bản tường trình về xứ Đàng Trong”, tạp chí đ.d, tr. 372.
- (4) C. Borri (2003), “Bản tường trình về xứ Đàng Trong”, tạp chí đ.d, tr. 375.
- (5) Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 189.
- (6) Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong*, Nhà xuất bản Trẻ, tr. 71 - 72.
- (7) Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại kỷ sự*, Viện Đại học Huế, tr. 92.
- (8) Thích Đại Sán, *Hải ngoại kỷ sự*, Sđd, tr. 92-93.
- (9) Cũng như trường hợp Hoàng Trọng Thảo, gia đình họ Võ ở làng Nguyệt Biều còn lưu giữ một tờ lệnh chỉ của chúa Đoan Nam Vương Trịnh Khải cho Võ Bá Lộc, nguyên trước là lính



thuộc tượng binh, được tiếp tục công tác với chức Cai đội trong đội “thổ binh” Hữu Tượng đạo Thuận Hóa (tờ lệnh chỉ cùng ngày 27 tháng Bảy năm Cảnh Hưng thứ 45, dương lịch: 1784, đóng dấu ấn 端南王璽 *Đoan Nam Vương tỹ*). Sang thời Tây Sơn, Võ Bá Lộc vẫn được trọng dụng, chọn lấy vào đội voi hầu vua, hiện còn tờ sắc viết trên giấy dó khổ lớn, phong chức Cai đội, tước Viện Trung hầu, đề niên đại 光中二年十一月二十八日 *Quang Trung nhị niên thập nhất nguyệt nhị thập bát nhật* (Ngày 28 tháng Mười Một năm Quang Trung thứ hai, dương lịch 1789); sau đó, ông còn có hai tờ sắc niên hiệu Cảnh Thịnh thứ nhất và thứ ba (không rõ vì sao thời Cảnh Thịnh, ông được thăng chức nhưng giáng xuống tước tử, sau lại khôi phục tước hầu).

- (10) Kèm theo bản sắc trên đây là một bản lệnh chỉ đề cùng niên đại, cùng kiểu chữ, cùng nội dung, của “大元帥總國政端南王 *Đại nguyên súy tổng quốc chính Đoan Nam Vương*”, tức chúa Trịnh Khải, viết trên giấy thường, đã bị mòn rách, mất nhiều chữ, nhưng chỗ dấu ấn còn khá rõ. Ấn hình vuông, cỡ 05,0 x 05,0cm, đường gờ viền dày 00,5cm, mặt khắc 4 chữ triện 端南王璽 *Đoan Nam Vương tỹ*, bố trí hai dòng, dòng hai chữ, nét thon, dày khoảng hơn 00,1cm, hơi dài và gấp khúc nhưng vẫn dễ đọc. Có lẽ ấn này chỉ dùng từ năm 1782 đến năm 1784, vì năm 1785, Trịnh Khải được tiến phong tước Sư Thượng Đoan Vương. Nguyễn Công Việt đã giới thiệu một hình dấu ấn khắc sáu chữ *Sư Thượng Đoan Vương chi tỹ* trên tờ lệnh chỉ *Cảnh Hưng tứ thập lục niên bát nguyệt sơ tứ nhật* (ngày mồng 4 tháng Tám năm Cảnh Hưng thứ 46, dương lịch: 1785).
- (11) Trần Quang Diệu (*Đại Nam liệt truyện* và *Đại Nam thực lục* chép họ Nguyễn) gốc người Quảng Ngãi, tổ tiên vào ngụ ở ấp Ân Tín, huyện Hoài Ân (Bình Định), kết bạn chí thân với ba anh em nhà Tây Sơn. Lúc đầu ông theo Nguyễn Nhạc, sau phò giúp Nguyễn Huệ, làm Đô đốc. Năm 1790, ông làm Đốc trấn Nghệ An, phụ trách xây dựng Phượng Hoàng trung đô; việc chưa xong thì vua Quang Trung mất (1792), Nguyễn Quang Toản nối ngôi, phong ông làm Thiếu phó, rồi năm 1801 giao cho ông và Võ Văn Dũng vào đánh thành Bình Định. Ông bao vây dài ngày, cắt đường tiếp tế lương thực, Võ Tánh và Ngô Tông Châu phải giao thành cho ông rồi tử tiết. Ông cảm phục, cho mai táng tử tế. Rồi nghe tin Nguyễn Quang Toản thất bại ở Trấn Ninh, ông đem quân đi đường núi ra Thanh Hóa, bị bắt và bị xử cực hình ở Phú Xuân (1802).
- (12) Cũng như trường hợp Võ Bá Lộc đã nói đến ở chú 9. Trong lệnh chỉ của chúa Trịnh (đóng ấn *Đoan Nam Vương tỹ*) ngày 27 tháng Bảy năm Cảnh Hưng thứ 45 (1784), ông được cho làm Cai đội tại đội Hữu Tượng đạo Thuận Hóa, qua thời Tây Sơn, ông vẫn được giữ lại, nhưng chắc “xuống” làm lính, rồi theo tờ sắc ngày 28 tháng Giêng năm Quang Trung thứ 2 (1789), ông được vua cho làm Cai đội, tước Viện Đức hầu ở vệ 4 cơ Trung Tượng thuộc quân Thị Nội; sang triều Cảnh Thịnh, lúc đầu ông được gia Anh Dũng tướng quân, nhưng tước thì hạ xuống Viện Tài tử (không rõ lý do) theo tờ sắc ngày 28 tháng Tư năm Cảnh Thịnh thứ 1 (1793), sau thăng Hùng Liệt tướng quân, chức Hộ quân sứ, tước Viện Tài hầu, theo tờ sắc ngày 16 tháng Mười năm cảnh Thịnh thứ 3 (1795).
- (13) Theo tổ chức quân đội của Nguyễn Phúc Ánh, đơn vị lớn nhất là quân (ngoài năm quân Trung, Tả, Hữu, Tiền, Hậu, còn có các quân độc lập như quân Tiền Phong, quân Tiền Du, quân Thần Sách... đều thuộc trung ương); mỗi quân do đại tướng thống lãnh, phó tướng phụ tá, chia làm hai chi hay nhiều hơn, mỗi chi do chánh trưởng chi quản lãnh, phó trưởng chi phụ tá. Theo quan chế thời Gia Long, chức chánh chi cai cơ thuộc hàng chánh tứ phẩm.

Vua Minh Mạng đổi chi làm vệ, mỗi vệ do vệ úy quản lãnh, phó vệ úy phụ tá; vệ úy thuộc hàng chánh tam phẩm hay tòng tam phẩm tùy loại quân.

- (14) Phan Thuận An (2008), *Huế xưa và nay, di tích & danh thắng*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 215.
- (15) Hồ Quyền được xây dựng năm 1830 ở bờ nam Sông Hương, gần đồi Long Thọ. Hai vòng thành bao bọc chu vi 140m, vòng ngoài cao 4,75m, vòng trong cao 5,80m, giữa hai lớp thành này đắp đất. Khán đài chỗ vua ngồi ở phía bắc, quay mặt về nam, bên trái có đắp bậc lên xuống. Phía nam vòng thành trở năm cửa thông với 5 chuồng cọp. Người ta nuôi cọp thường xuyên ở 5 chuồng này, vì thế có tên gọi Hồ Quyền.

#### TÓM TẮT

Tượng binh là một binh chủng lợi hại của quân đội xứ Đàng Trong thời các chúa Nguyễn. Điều này đã được sử sách ghi lại. Bài viết này cung cấp thêm một số tài liệu Hán Nôm phát hiện được tại phường Thủy Biều, thành phố Huế, liên quan đến 2 vị chỉ huy tượng binh là Hoàng Trọng Thảo và Võ Bá Lộc. Trong đó, Hoàng Trọng Thảo đã từng phục vụ cho cả 3 triều đại: Lê - Trịnh, Tây Sơn và triều Nguyễn. Qua đó có thể thấy rõ hơn vai trò của tượng binh trong các cuộc chiến tranh chấp quyền lực vào nửa cuối thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 19 ở Việt Nam.

#### ABSTRACT

##### ARMY OF COCHINCHINA: ELEPHANTRY

Elephantry is recorded in history books as a dangerous army of Cochinchina during the reign of the Nguyễn Lords. This article provides some more Sino-Vietnamese documents discovered in Thủy Biều Ward, Huế City involving two military commanders Hoàng Trọng Thảo and Võ Bá Lộc. Particularly, Hoàng Trọng Thảo served three dynasties: Lê-Trịnh, Tây Sơn and the Nguyễn. Through the article, the role of elephantry in the power conflicts in the second half of the 18th century - early 19th century in Vietnam can be clearly seen.